

Số: 156 /BC-NTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2025 -2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm.

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): không

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

STT	Tên cơ sở/điểm trường	Địa chỉ hoạt động	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử và trang thông tin điện tử
1	Trụ sở chính	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 37310522	truong@ngothoinhiem.edu.vn https://www.ngothoinhiem.edu.vn/
2	Cơ sở 4	Số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	(028) 36360025	truong@ngothoinhiem.edu.vn https://www.ngothoinhiem.edu.vn/

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trường ngoài công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Đào tạo những thế hệ học sinh ưu tú có đầy đủ năng lực – phẩm chất để thích ứng với kỷ nguyên số và thành công trong cuộc sống hiện đại.

- Kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện. Giáo dục toàn diện về “Đức - Trí - Thể - Mỹ” và kỹ năng mềm để học sinh thích ứng với cuộc sống hiện đại, với cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Mỗi học sinh trường Ngô Thời Nhiệm khi ra trường đều đạt được những phẩm chất, những năng lực cốt lõi để trở thành những con người thành công trong cuộc sống.

- Xây dựng môi trường thân thiện- trường học hạnh phúc; với phương châm dạy thật – học thật để có chất lượng thật; Hướng đến nền giáo dục năng động, linh hoạt, đạt hiệu quả cao. Từ năm 2023 – 2024 nhà trường đã triển khai xây dựng trường học hạnh phúc nhằm góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh (HS, CB, GV, NV, PH); Thông qua đó, cải thiện kết quả học tập của học sinh, nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục của cơ sở giáo dục; Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; học sinh, và cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) được yêu thương, tôn trọng, an toàn, chia sẻ và thấu hiểu; ngăn ngừa, đấu tranh với các hành vi thiếu chuẩn mực về đạo đức, lối sống trong đội ngũ CB, GV, NV và HS hoặc các hành vi làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, thân thể CB, GV, NV, HS.

4.2. Tâm nhìn

- Phát triển một học hiệu Ngô Thời Nhiệm có đẳng cấp uy tín – chất lượng thuộc top đầu trong hệ thống trường ngoài công lập của cả nước và hội nhập quốc tế sâu rộng:

- Đã thực hiện được mục tiêu đến năm 2025 trường Ngô Thời Nhiệm đứng vững top đầu của hệ thống trường ngoài công lập của Tp.HCM, Bình Dương nói riêng và của cả nước nói chung. Học hiệu của trường có đẳng cấp về kiến thức văn hóa và các kỹ năng mềm thích ứng với hội nhập quốc tế và đi đầu trong tiến trình đổi mới.

- Đang hướng tới mục tiêu đến năm 2030 trường Ngô Thời Nhiệm là đơn vị giáo dục có điều kiện cơ sở vật chất hiện đại, có chất lượng giáo dục cao, có mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị trí trong địa bàn trọng điểm kinh tế vùng Đông Nam bộ; phát triển thêm điểm trường tại vùng cửa ngõ phía Tây của TP.HCM sẽ thu hút học sinh đến từ các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

4.3. Giá trị cốt lõi

CÁN BỘ - GIÁO VIÊN –NHÂN VIÊN	HỌC SINH
<i>Đổi mới - sáng tạo</i>	<i>Năng động – tích cực</i>
<i>Nhân ái – bao dung</i>	<i>Trung thực - tự tin</i>
<i>Kỷ cương – trách nhiệm</i>	<i>Hòa nhập – vươn lên</i>

4.4 Mục tiêu chung

Nhà trường hướng tới mục tiêu đào tạo những thế hệ học sinh có đầy đủ phẩm chất và năng lực để thích ứng với kỷ nguyên số và thành công trong cuộc sống hiện đại; kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện về Đức – Trí – Thể – Mỹ và kỹ năng mềm, bảo đảm mỗi học sinh khi ra trường đều có nền tảng học thuật vững vàng, kỹ năng hội nhập quốc tế và các năng lực cốt lõi cần thiết của công dân trong thời đại mới. Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ, an toàn và hạnh phúc, triển khai mô hình “Trường học hạnh phúc” nhằm nâng cao chỉ số hạnh phúc của học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học, phát triển nhân cách và ngăn ngừa các hành vi lệch chuẩn trong nhà trường. Đồng thời, nhà trường phấn đấu phát triển học hiệu Ngô Thời Nhiệm trở thành cơ sở giáo dục có uy tín – chất lượng thuộc top đầu trong hệ thống trường ngoài công lập, có cơ sở vật chất hiện đại, có khả năng hội nhập quốc tế sâu rộng, đóng góp vào sự phát triển của giáo dục địa phương và khu vực.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm được thành lập từ năm 1997. Tiền thân là Trường tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm tại “Quyết định số 04/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 26/04/1997” và Trường Trung học cơ sở dân lập Ngô Thời Nhiệm được thành lập theo “Quyết định số 13/GD-ĐT/TC-QĐ ngày 08/05/1997” tại số 05 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm (Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm) được thành lập theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, trên cơ sở sáp nhập từ trường Tiểu học Dân lập Ngô Thời Nhiệm và trường Trung học phổ thông tư thục Ngô Thời Nhiệm

Tháng 10 năm 2011, Hội đồng quản trị nhà trường thực hiện liên kết với Tổng công ty Becamex Bình Dương tiếp tục mở rộng phát triển và xây thêm 01 ngôi trường tại Thành phố mới tỉnh Bình Dương, hoạt động giảng dạy từ năm học 2012-2013. Ngoài ra, hệ thống trường còn có 02 trường mầm non (tại Bình Dương và Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức)).

Từ tháng 6 năm 2019, Hội đồng quản trị nhà trường tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 01 cơ sở trên khu đất có diện tích 15.232,4m² được nhà nước giao đất sử dụng cho mục đích giáo dục tại khu dân cư Hoàng Nam, đại lộ Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, quận Bình Tân theo hướng hiện đại để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hội nhập quốc tế với kinh phí đầu tư: 560 tỷ đồng (trong đó 300 tỷ chuyển nhượng đất, xây dựng 220 tỷ, trang thiết bị, đồ dùng dạy học 40 tỷ). Tháng 4/2022 nhà trường đã tổ chức lễ khánh thành cơ sở 4 có 72 lớp học, 40 phòng nội trú, Hồ bơi, sân bóng đá, bóng rổ ... và đầy đủ các phòng chức năng theo quy định nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đến thời điểm hiện nay, trường Tiểu học, THCS và Ngô Thời Nhiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh có 02 cơ sở tại các địa điểm sau:

Cơ sở 1: Tại số 65D, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 8.588m² được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông đã được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng 29 năm.

Cơ sở 4: Tại số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích đất là 15.232,4m² được nhà nước giao đất lâu dài để tổ chức hoạt động giáo dục phổ thông, đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2002.

Cơ sở trường phổ thông Bình Dương có địa chỉ tại lô M2, đường Lý Thái Tổ, phường Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 27.600m².

Trường mầm non tại phường Phước Long với diện tích 3.000m², mầm non và trường tiểu học tại phường Bình Dương với diện tích 23.500m². Tất cả các cơ sở của trường đều được xây dựng khang trang, hiện đại, có hồ bơi, sân bóng, các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu dạy và học theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với gần 29 năm hình thành và phát triển, hiện nay toàn hệ thống trường hiện nay có 10.000 học sinh phổ thông, 1.000 học sinh mầm non, 2.500 học sinh nội trú. Riêng trường tại Tp. Hồ Chí Minh là 4.683 học sinh phổ thông.

Trường Ngô Thời Nhiệm có hệ thống chính trị hoàn chỉnh ngay từ khi thành lập trường gồm: Chi Bộ, Công Đoàn, Đoàn Thanh Niên. Chi bộ liên tục đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Công đoàn liên tục vững. Nhà trường có bí thư Đảng bộ chuyên trách và trợ lý thanh niên chuyên trách. Do trường có số lượng đảng viên đông, nên từ năm

2019 trường đã thành lập Đảng bộ cơ sở, có 04 chi bộ trực thuộc với 107 Đảng viên tham gia sinh hoạt.

Nhà trường xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động chặt chẽ và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, làm cơ sở để điều hành các hoạt động trong nhà trường; ban hành quy chế phối hợp giữa hội đồng quản trị và lãnh đạo nhà trường rõ ràng để thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong bộ máy tổ chức của nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm hiện nay 341 người, trong đó 98,5% là giáo viên cơ hữu, nhiều kinh nghiệm, nhiệt tình và tâm huyết, làm việc cả ngày tại trường cũng là một thế mạnh của trường. Thầy cô không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào quá trình truyền thụ kiến thức nên học sinh dễ dàng tiếp thu bài học, có thể thuộc bài ngay trên lớp. Với quan điểm: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo”, nhà trường luôn hướng tới việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Nhiều giáo viên của Trường được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp thành phố.

Học sinh của trường đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước nên mặt bằng trình độ kiến thức không đồng đều, đa số không đủ điểm vào trường công lập, có hạnh kiểm chưa tốt. Nhưng sau một thời gian học tập tại trường các em đều được nâng lên về kiến thức và nhân cách. Kết quả học tập học sinh luôn cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông từ năm 2005 đến nay luôn cao hơn tỉ lệ bình quân của thành phố, luôn đạt 100%. Số học sinh khá giỏi đầu vào rất hiếm nhưng trường vẫn có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và đạt nhiều giải thưởng về hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào Văn – Thể - Mỹ, hoạt động xã hội...

Thành tích nổi bật những năm gần đây:

- Liên tục nhiều năm được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- 06 lần được khen tặng “Cờ thi đua của UBND thành phố” các năm học 2011 - 2012, 2016 - 2017, 2018 – 2019, 2019 – 2020; 2020 - 2021; 2022-2023.
- Năm 2014 được Bộ GD&ĐT trao tặng bằng khen;
- Công đoàn ngành giáo dục Việt Nam trao tặng cờ thi đua xuất sắc về hoạt động công đoàn; Đoàn trường là đơn vị 09 năm liền lá cờ đầu của Quận đoàn 9 (nay là thành phố Thủ Đức) và được Trung ương Đoàn trao tặng bằng khen.
- Chi bộ, Đảng bộ liên tục đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhà trường còn nhận được rất nhiều giấy khen, bằng khen về hoạt động phong trào và hoạt động chuyên môn.
- Năm 2018, 2020 và 2021 được Bộ GD&ĐT tặng bằng khen vì có thành tích đồng hành cùng quỹ học bổng Vừ A Dính
- Năm 2019 nhà trường được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phối hợp, đồng hành cùng quỹ học bổng Vừ A Dính.

Ngoài ra CB, GV, NV của trường còn được tặng thưởng nhiều danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, chiến sĩ thi đua thành phố, giấy khen và bằng khen từ các hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào, văn thể, công tác xã hội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc
Nguyễn Thị Tố Uyên	Chủ tịch hội đồng trường	(028) 37310522	uyen.nguyen@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

STT	Tên cơ sở/điểm trường	Quyết định			
		Số	Ngày	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	Cơ sở chính	2424/QĐ-UBND	07/6/2008	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	về cho phép sáp nhập trường Tiểu học dân lập Ngô Thời Nhiệm và Trường Trung học Phổ thông Tư thực Ngô Thời Nhiệm thành trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
2	Cơ sở chính	287-8/QĐ-GDĐT-TC	10/3/2014	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép hoạt động giáo dục Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
3	Cơ sở 3	2775/GDĐT-TC	06/9/2016	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép mở cơ sở 3 Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm.
4	Cơ sở 4	809/QĐ-UBND	23/3/2022	UBND Thành	Về cho phép thành lập Cơ sở 4 Trường Tiểu học,

STT	Tên cơ sở/điểm trường	Quyết định			
		Số	Ngày	Cơ quan ban hành	Nội dung
				phố Hồ Chí Minh	Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm
5	Cơ sở 4	1151/QĐ-GDDĐT-TC	16/5/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Về cho phép hoạt động giáo dục Cơ sở 4 Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm

b) *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường*

- Quyết định số 1740/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Hội đồng trường.

- Quyết định số 375/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường

- Quyết định số 1741/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận Chủ tịch Hội đồng trường

- Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	(Bà) Nguyễn Thị Tô Uyên	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch
02	(Bà) Phạm Thị Thúy Vĩnh	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên
03	(Ông) Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên HĐQT	Thành viên
04	(Ông) Giang Quốc Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
05	(Bà) Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên HĐQT	Thành viên
06	(Ông) Bùi Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Thành viên
07	(Ông) Tường Nguyên Sự	Hiệu trưởng	Thành viên
08	(Bà) Vũ Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	Thành viên
09	(Bà) Lê Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	Thành viên

c) *Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng*

STT	Họ tên	Chức danh	Nhiệm kì	Quyết định công nhận
1	Ông Tường Nguyên Sự	Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 3140/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 9 năm 2023 về việc công nhận Hiệu trưởng

2	Ông Huỳnh Linh Sơn	Phó Hiệu trưởng	2022 – 2027	- Quyết định số 729/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 9 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
3	Ông Trần Nguyễn Quốc Văn	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2400/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
4	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	2023 – 2028	Quyết định số 2407/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 8 năm 2023 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng
5	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	2024 – 2029	Quyết định số 1534/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2024 v/v công nhận Phó Hiệu trưởng

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Cơ chế hoạt động của trường: Nhà trường ban hành Quyết định 225/QĐ-NTN ngày 06/9/2022 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường. <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-225qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-to-chuc-va-hoat-dong-cua-nha-truong-20220906-457494/>

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm tổ chức hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ, trách nhiệm
1	Ông Trương Nguyên Sự	Hiệu trưởng	0938354055	su@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung
2	Ông Nguyễn Hữu Tài	Phó Hiệu trưởng	0918171969	tainh@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách chung chuyên môn, trực tiếp phụ trách chuyên môn tại cơ sở chính
3	Ông Lê Văn Công	Phó Hiệu trưởng	0987312235	conglv@ngothoinhiem.edu.vn	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách cơ sở vật chất, phong trào, nề nếp tại cơ sở chính
4	Ông Huỳnh Linh Sơn	Phó Hiệu trưởng	0989611802	sonhl@ngothoinhiem.edu.vn	73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	phụ trách chuyên môn tại cơ sở 4
5	Ông Trần Nguyễn Quốc Văn	Phó Hiệu trưởng	0983372655	vantnq@ngothoinhiem.edu.vn	số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	Phụ trách cơ sở vật chất, phong trào, nề nếp tại cơ sở 4

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Nghị quyết và Kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2040: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/nghi-quyet-so-01nq-hdt-ntn-ve-viec-thong-qua-noi-dung-ke-hoach-chien-luoc-5-nam-lan-vi-giai-doan-2025-2030-tam-nhin-2040-20250827-257385/>

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 316/QĐ-NTN ngày 06/12/2025 về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/quyet-dinh-so-316qd-ntn-ve-viec-ban-hanh-quy-che-dan-chu-co-so-tai-truong-ngo-thoi-nhiem-20251206-991337/>

- Các nghị quyết của hội đồng trường:

+ Nghị quyết về thông qua kế hoạch chiến lược: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/nghi-quyet-so-01nq-hdt-ntn-ve-viec-thong-qua-noi-dung-ke-hoach-chien-luoc-5-nam-lan-vi-giai-doan-2025-2030-tam-nhin-2040-20250827-257385/>

+ Nghị quyết thông qua kế hoạch giáo dục nhà trường: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-203kh-ntn-ve-giao-duc-nha-truong-nam-hoc-2025-2026-20250912-676130/>

+ Nghị quyết thông qua kế hoạch pháp chế: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/nghi-quyet-so-06nq-hdt-ntn-ve-viec-thong-qua-ke-hoach-cong-tac-phap-che-tai-truong-ngo-thoi-nhiem-nam-hoc-2025-2026-20250920-334937/>

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-213kh-ntn-ve-dao-tao-boi-duong-doi-ngu-can-bo-quan-ly-giao-vien-nhan-vien-nam-hoc-2025-2026-20250918-160395/> ; <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-301kh-ntn-ve-viec-boi-duong-thuong-xuyen-cua-can-bo-quan-ly-va-giao-vien-nam-hoc-2025-2026-20251001-284160/>

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác: <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/ke-hoach-so-144kh-ntn-ve-tuyen-dung-giao-vien-nhan-vien-nam-hoc-2025-2026-20250531-654911/>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Báo cáo theo file Excel đính kèm

STT	Đối tượng	Đạt chuẩn nghề nghiệp			Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định			Trình độ					
		SL năm báo cáo	Tỷ lệ	Thay đổi so với năm trước	SL năm báo cáo	Tỷ lệ	Thay đổi so với năm trước	TC, CD, Khác	Thay đổi so với năm trước	ĐH	Thay đổi so với năm trước	Trên ĐH	Thay đổi so với năm trước
1	Cán bộ quản lý	5	100%	00	5	100%	00	00	00	00	-3	05	+3
2	Giáo viên	181	100%	-9	188	100%	09	00	00	148	-2	45	-1
-	TH	59	100%	+3	62	100%	+5	00	00	58	+2	08	00
-	THCS, THPT	122	100%	09	121	100%	-14	00	00	90	-4	37	-1
3	Nhân viên	155	100%	+36	00	00	00	115	11	38	02	02	00

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

Trụ sở chính

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	10.000m ²	10.000m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	4.5 m ²	4.5 m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	50%	50%
4	Số đầu sách	17873	15429
5	Số bản sách/người học	6/học sinh	05/học sinh

Cơ sở 4

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024
1	Diện tích đất	15.232,4m ²	15.232,4m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	8 m ²	8 m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách	10592	9892
5	Số bản sách/người học	05/học sinh	05/học sinh

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 65, đường Hồ Bá Phấn, phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	10.000m ²	13.500m ²
2	Cơ sở 4	Số 73/8, đường Võ Văn Kiệt, phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh	15.232,4m ²	26.000m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
	Tổng cộng		

4. Diện tích các cơ sở

	Diện tích khu đất xây dựng (m ²)	Diện tích bình quân/học sinh (m ²)		Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
		Thực tế	Theo quy định	
Trụ sở chính	10000 m ²	4,5 m ²	6 m ²	Không thay đổi
Cơ sở 4	15.232,4m ²	8 m ²	6 m ²	Không thay đổi

5. Các hạng mục

- Trụ sở chính

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
1	Khối phòng hành chính quản trị	10			Không thay đổi
	- Phòng hiệu trưởng:	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Văn phòng:	02	60	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng giáo viên:	02	60	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng y tế học đường:	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Kho	01	100	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
2	Khối phòng học tập	89		Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng học	76	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Hóa - Sinh	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Công nghệ:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng học STEM	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng đa chức năng	01	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Âm nhạc:	02	1,50m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	- Phòng Mỹ thuật:	01	1,50m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng tin học	05	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13			Không thay đổi
	Thư viện	01	0,45m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng thiết bị giáo dục	03	24m ² /phòng	Chưa đạt	Không thay đổi
	Phòng tư vấn học đường	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng truyền thống	01	54m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
4	Khối phụ trợ				Không thay đổi
	Phòng họp	02	1,20m ² /người	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng y tế trường học	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	Nhà kho	05	48m ² /kho	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Khu để xe học sinh		0,50m ² /xe đạp; 1,50m/xe máy	Chưa đạt	Không thay đổi
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao				Không thay đổi
	-Hồ bơi	01	315m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Sân đa năng	02	500m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Sân trường	01	1,2m ² /học sinh	Chưa đạt	Không thay đổi
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
6	Khối phục vụ sinh hoạt				Không thay đổi
	Nhà bếp	01	0,30m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Kho bếp	04	16m ² /kho thực phẩm; 16m ² /kho lương thực	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ăn	03	0,75m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ở nội trú	28	4m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
7	Hạ tầng kỹ thuật khác				Không thay đổi
	Hạ tầng CNTT, thoát nước ...			Đảm bảo quy định	Không thay đổi

- Cơ sở 4

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
1	Khối phòng hành chính quản trị	10			Không thay đổi
	- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng, diện tích 24m ²	01	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	- Phòng Phó hiệu trưởng	02	24	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Văn phòng	01	240	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng giáo viên;;	02	120	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng y tế học đường:	01	56	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Kho	04	150	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thường trực, bảo vệ:	01	36	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
2	Khối phòng học tập	100		Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- sssPhòng học	82	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Hóa	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Sinh	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng thí nghiệm Vật lý:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Công nghệ:	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng học STEM	02	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng đa chức năng	02	1,50m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Âm nhạc:	02	2 m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Phòng Mỹ thuật:	02	20m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng tin học	05	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Phòng ngoại ngữ	01	2m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	13			Không thay đổi
	Thư viện	01	0,6m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
	Phòng thiết bị giáo dục	05	58m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng tư vấn học đường	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng Đoàn Thanh niên	01	0,03m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng truyền thống	01	60m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
4	Khối phụ trợ				Không thay đổi
	Phòng họp	02	1,20m ² /người	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng các tổ chuyên môn	03	30m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Phòng y tế trường học	01	24m ² /phòng	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà kho	05	48m ² /kho	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Khu để xe học sinh		0,60m ² /xe đạp; 20m/xe máy	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Khu vệ sinh học sinh	16	0,06m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao				Không thay đổi
	-Hồ bơi	01	315m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	- Sân đa năng	02	500m ²	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	-Sân trường	01	1,8m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Sân thể dục thể thao	02	0,35m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
6	Khối phục vụ sinh hoạt				Không thay đổi
	Nhà bếp	01	0,30m ² /học sinh	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Kho bếp	04	24m ² /kho thực phẩm;24m ² /kho lương thực	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ăn	02	1m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi
	Nhà ở nội trú	40	5m ² /chỗ	Đảm bảo quy định	Không thay đổi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích bình quân thực tế (m ²)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
7	Hạ tầng kỹ thuật khác				Không thay đổi
	Hạ tầng CNTT, thoát nước ...			Đảm bảo quy định	Không thay đổi

6. Thiết bị dạy học

STT	Thiết bị dạy học hiện có	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	Đối chiếu với năm trước (thay đổi gì hay không)
1	Khối lớp 1	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
2	Khối lớp 2	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
3	Khối lớp 3	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
4	Khối lớp 4	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
5	Khối lớp 5	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
6	Khối lớp 6	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
7	Khối lớp 7	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
8	Khối lớp 8	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
9	Khối lớp 9	6	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
10	Khối lớp 10	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
11	Khối lớp 11	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ
12	Khối lớp 12	8	Đảm bảo quy định	Tăng 2 bộ

7. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm, tên viết tắt là: Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Đạt chuẩn Quốc gia: Trường chưa thực hiện

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến

chất lượng sau tự đánh giá.

Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm tự đánh giá mức độ trường đáp ứng nội hàm của các chỉ báo, tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng trong năm học 2024 – 2025 như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 Tỉ lệ: 100%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 Tỉ lệ: 00%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 27/28 Tỉ lệ: 96,4%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 01/28 Tỉ lệ: 3,6%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 18/20 Tỉ lệ: 90,0%
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 02/20 Tỉ lệ: 10,0%
- Mức đánh giá của trường: Mức 1

+ Nhà trường thực hiện đánh giá ngoài năm 2023 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 năm 2023 theo Quyết định số 4131_44/QĐ- SGDDT ngày 19/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

+ Từng năm học nhà trường thực hiện tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khôi	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyên trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
1	10	337	10	338	0			3	1	
2	9	291	9	290	0			34		1
3	9	299	9	296	0			27		3
4	9	280	9	278	0			32		2
5	7	233	7	234	0			11	1	
6	7	235	7	238	0			0	3	
7	8	300	8	299	1	0.33	- Học lực yếu	28		1
8	11	381	11	388	0			29	7	
9	9	330	9	334	1	0.29	- Học lực yếu	30	4	
10	12	397	12	379	3	0.79	- Học lực yếu	13		18
11	20	753	20	735	9	1.22	- Học lực yếu - Sức khoẻ yếu	59		18
12	22	748	22	738	7	0.94	- Học lực yếu - Hoàn cảnh gia đình	21		10
Tổng	138	4687	138	4547	21	0.46		287	16	53

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026

2.1 Đối với học sinh

a. Kết quả rèn luyện

KHỐI LỚP	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HS THEO THÔNG TƯ 27								
	TSTH	HTXS	%	HTT	%	HT	%	CHT	%
1	338	220	65,09%	93	27,51%	24	7,10%	1	0,3%
2	290	182	62,76%	89	30,69%	19	6,55%	0	0
3	296	147	49,66%	106	35,81%	43	14,53%	0	0
4	278	123	44,24%	99	35,61%	56	20,14%	0	0
5	234	82	35,04%	100	42,74%	52	22,22%		0
TỔNG	1436	754	52,51%	487	33,91%	194	13,51%	1	0,07%

Khối	TSHS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước
6	238	235	3	0	0	Tỷ lệ kết quả rèn luyện loại Tốt tương đương năm học trước
7	299	296	3	0	0	Tỷ lệ kết quả rèn luyện loại Tốt tương đương năm học trước
8	388	377	8	3	0	Số HS tăng so với năm trước, tỷ lệ kết quả rèn luyện Tốt cũng tăng so với năm học trước
9	334	320	14	0	0	Số HS tăng so với năm trước, tỷ lệ kết quả rèn luyện Tốt cũng tăng so với năm học trước
10	379	339	37	3	0	Số học sinh giảm nhiều so với năm 2024-2025. Tỷ lệ kết quả rèn luyện loại Tốt ổn định, đạt từ 88% trở lên. 0,2% HS xếp loại rèn luyện Chưa đạt
11	735	670	65	0	0	Số học sinh và tỷ lệ kết quả rèn luyện tương đương năm học 2024-2025
12	738	729	9	0	0	Số học sinh và tỷ lệ kết quả rèn luyện tương đương năm học 2024-2025

b. Kết quả học tập

Khối	TSHS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước
6	238	114	96	28	0	Tỷ lệ kết quả học tập tương đương năm học trước
7	299	121	113	58	7	Tỷ lệ kết quả học tập tương đương năm học trước
8	388	191	133	56	8	Số HS tăng, tỷ lệ kết quả học tập loại Tốt – Khá cũng tăng so với HKI năm học trước
9	334	130	128	76	0	Số HS tăng, tỷ lệ kết quả học tập loại Tốt – Khá cũng tăng so với HKI năm học trước
10	379	67	168	137	7	Số học sinh giảm, tỷ lệ kết quả học tập loại Tốt tăng, loại Chưa đạt

						giảm còn 4.8%
11	735	115	377	232	11	Số học sinh và tỷ lệ kết quả học tập tương đương năm học trước
12	738	318	409	11	0	Số học sinh và tỷ lệ kết quả học tập tương đương năm học trước

c. Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh Xuất sắc/Hoàn thành xuất sắc	Học sinh Giỏi/Hoàn thành tốt
1	220	93
2	182	89
3	147	106
4	123	99
5	82	100
6	25	89
7	39	81
8	50	141
9	47	83
10	14	53
11	11	104
12	49	269

- Số học sinh lưu ban:
- Số học sinh đậu tốt nghiệp:
- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học:
- số học sinh đậu Đại học: (%):

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Cuộc thi Sáng tạo Robotics toàn quốc 2025	02 giải Đồng	Cấp Quốc gia
2	Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	Giải Ba	Cấp Quốc gia
3	Cuộc thi Festival Piano Talent 2026	Giải Bạc	Toàn quốc
4	Olympic Toán quốc gia	01 Vàng, 05 Bạc, 08 Đồng	Cấp Quốc gia
5	Olympic Toán quốc tế	02 Đồng, 03 Khuyến khích	Quốc tế
6	Cuộc thi Piano quốc tế C.BECHSTEIN	01 Vàng, 01 Bạc	Quốc tế
7	Cuộc thi Gửi tương lai xanh	02 Khuyến khích	Toàn quốc
8	Vô địch Roller Sports các đội mạnh quốc gia năm 2026	01 giải Đồng	Cấp Quốc gia
9	Cuộc thi KHKT	01 giải Nhì; 01 giải Ba	Cấp Thành phố
10	Kỳ thi HSG cấp TP.HCM	02 giải Nhì; 12 giải Ba	Cấp Thành phố
11	Olympic Tháng 4	12 giải Ba	Cấp Thành phố
12	Cuộc thi An toàn giao thông với nụ cười ngày mai	Khuyến khích	Cấp Thành phố

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
13	Cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường	Khuyến khích	Cấp Thành phố
14	Hội thi Khéo tay kỹ thuật	03 giải Ba; 01 Khuyến khích	Cấp Thành phố
15	Cuộc thi Lắp ráp và lập trình Robot MYOR 2025	01 giải Nhất; 01 giải Nhì; 01 giải Ba	Cấp Thành phố
16	Danh hiệu Học sinh 3 tốt	04 HS cấp Thành phố; 03 HS cấp Trung ương	TP / TW
17	Học sinh tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	03 học sinh	Cấp Thành phố
18	Giải Thể thao học sinh	04 HCV, 01 HCD cá nhân; 09 HCV, 03 HCB, 01 HCD tập thể	Cấp Thành phố
19	Hội thao Quốc phòng và An ninh	01 Nhất; 01 Nhì; 02 Ba; 01 Khuyến khích	Cấp Cụm

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	26	Năm học 2025-2026
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	04	Năm học 2025-2026
Chiến sĩ thi đua cơ sở	34	Năm học 2024-2025

3. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

3.1 Tình hình học sinh

- Kết quả tuyển sinh:

Năm học	Lớp 1		Lớp 6		Lớp 10	
	Chỉ tiêu	Đã tuyển	Chỉ tiêu	Đã tuyển	Chỉ tiêu	Đã tuyển
2023-2024	540	295	400	287	1310	792
2024-2025	415	292	360	271	1260	747
2025-2026	490	338	380	238	1080	379

- Thống kê học sinh:

+ Cấp Tiểu học:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2023-2024	1112	602	510	1112	47	0	36	30.9	351	144
Lớp 1	295	143	152	295	13	0	9	32.8	5	2
Lớp 2	277	150	127	277	11	0	9	30.8	108	32
Lớp 3	181	102	79	181	8	0	6	30.2	96	42
Lớp 4	174	98	76	174	9	0	6	29.0	61	37
Lớp 5	185	109	76	185	6	0	6	30.9	81	31
2024-2025	1263	630	633	1263	60	0	41	30.8	111	151
Lớp 1	292	143	149	292	11	0	10	29.2	4	4
Lớp 2	290	133	157	290	13	0	9	32.2	36	30
Lớp 3	281	146	135	281	12	0	9	31.2	34	34
Lớp 4	208	104	104	208	10	0	6	34.7	19	46
Lớp 5	192	104	88	192	14	0	7	27.4	18	37
2025-2026	1436	728	108	1436	63	0	44	31.00	107	124
Lớp 1	338	179	159	338	11	0	10	33.7	3	6
Lớp 2	290	138	152	290	13	0	9	32.6	34	26
Lớp 3	296	142	154	296	15	0	9	33.3	27	28
Lớp 4	278	144	134	278	11	0	9	31	32	30
Lớp 5	234	125	109	234	13	0	7	33.4	11	34

+ Cấp Trung học sơ sở:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2023-2024	1071	619	452	1071	32	0	34	31.5	198	195
Lớp 6	287	149	138	287	11	0	9	31.9	9	7
Lớp 7	254	141	113	254	6	0	8	31.8	80	40
Lớp 8	210	133	77	210	11	0	7	30	43	68
Lớp 9	320	196	124	320	4	0	10	32	66	80
2024-2025	1150	658	492	1150	59	2	33	34.9	102	210

Lớp 6	271	155	116	271	14	0	7	38.7	4	12
Lớp 7	338	189	149	338	17	1	10	33.8	38	71
Lớp 8	298	165	133	298	17	0	9	33.1	35	71
Lớp 9	243	149	94	243	11	1	7	34.7	25	56
2025-2026	1259	711	548	1259	71	1	35	34	87	197
Lớp 6	238	136	102	238	19	0	7	34	0	5
Lớp 7	299	164	135	299	13	0	8	37.4	28	52
Lớp 8	388	222	166	388	20	1	11	35.3	29	79
Lớp 9	334	189	145	334	19	0	9	37.1	30	61

+ Cấp Trung học phổ thông:

Năm học	Số học sinh			SL học 2 buổi /ngày	Dân tộc thiểu số	Khuyết tật	Lớp		Thay đổi	
	Tổng	Nam	Nữ				Số lớp	Bình quân /lớp	Chuyển đi	Chuyển đến (tiếp nhận)
2023-2024	2159	1282	877	2159	38	0	60	36.0	207	112
Lớp 10	792	461	331	792	14	0	22	36.0	28	17
Lớp 11	743	418	325	743	11	0	21	35.4	138	59
Lớp 12	624	403	221	624	13	0	17	36.7	41	36
2024-2025	2221	1262	959	2221	42	0	64	34.7	141	97
Lớp 10	747	428	319	747	14	0	21	35.6	30	19
Lớp 11	759	429	330	759	17	0	22	34.5	78	57
Lớp 12	715	405	310	715	11	0	21	34.0	33	21
2025-2026	1852	1047	805	1852	48	0	54	34.29	93	87
Lớp 10	379	216	163	379	15	0	12	31.6	13	6
Lớp 11	735	416	319	735	14	0	20	36.8	59	66
Lớp 12	738	415	323	738	19	0	22	33.5	21	15

3.2 Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp – Năm học 2025 – 2026

- Khối Tiểu học

KHỐI LỚP	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC HS THEO THÔNG TƯ 27								
	TSTH	HTXS	%	HTT	%	HT	%	CHT	%
1	338	220	65,09%	93	27,51%	24	7,10%	1	0,3%
2	290	182	62,76%	89	30,69%	19	6,55%	0	0
3	296	147	49,66%	106	35,81%	43	14,53%	0	0
4	278	123	44,24%	99	35,61%	56	20,14%	0	0
5	234	82	35,04%	100	42,74%	52	22,22%		0
TỔNG	1436	754	52,51%	487	33,91%	194	13,51%	1	0,07%

- Khối THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1259	238	299	388	334
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97.54	98.74	99.00	97.16	95.81
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2.22	1.26	1.00	2.06	4.16
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.24	0	0	0.77	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1259	238	299	388	334
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	44.16	47.90	40.47	49.23	38.92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	37.33	40.34	37.79	34.28	38.32
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17.32	11.76	19.40	14.43	22.75
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.19	0	2.34	2.06	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1259	238	299	388	334
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.80	100	97.65	97.93	100
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	12.78	10.50	13.04	12.88	14.07
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31.29	37.39	27.09	36.34	24.85
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.19	0	2.34	2.06	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	18.86/8.86	4.42/1.47	22.78/11.24	24.16/11.74	23.04/10.28
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.47	0.42	0.33	0.51	0.59
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Phường/Cụm	12	2	6	3	1
2	Cấp tỉnh/thành phố	22	3	2	8	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	4	0	1	1	2
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	334				334
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	334				334
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	711/548	136/102	164/135	222/166	189/145
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	71	19	13	20	19

- Khối THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (số lượng)	1852	379	735	738
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.84	89.45	91.16	98.78
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.99	9.76	8.84	1.22
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.16	0.79	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực (số lượng)	1852	379	735	738
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	27.00	17.68	15.65	43.09
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	51.51	44.33	51.29	55.42
3	Đạt	20.52	36.15	31.56	1.49

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	(tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0.97	1.85	1.50	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm (số lượng)	1852	379	735	738
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.02	98.15	98.50	100
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	4.00	3.69	1.49	6.63
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.00	13.98	14.14	36.44
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.97	1.84	1.49	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)				
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4.36/6.34	2.54/4.01	7.50/10.27	2.93/4.61
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2.15	2.63	2.31	1.76
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp Phường/Cụm	6	0	1	5
2	Cấp Thành phố	46	7	10	29
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2	0	0	2
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp (số lượng)	738			738
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ (số lượng)	1047/805	216/163	416/319	415/323
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số (số lượng)	48	15	14	19

- Hoàn thành chương trình

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

2. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

3. QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025 (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

4. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ NĂM 2025 (Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/05/2026)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang	2,157,423,394	
II	Tổng số thu	112.671.706.288	
	- Thu học phí:	74.935.118.723	
III	Tổng kinh phí sử dụng		
III	Tổng chi	115.829.129.682	
1.	Chi lương	48.395.929.793	
2.	Chi lương từ cấp bù học phí		
3.	Chi tiền báo	7.944.400	
4.	Chi mua vật tư văn phòng	226.478.500	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền Tết 2026	4.056.822.247	
7.	Chi tiền điện	2.031.179.006	
8.	Chi tiền sửa chữa	113.835.200	
9.	Các khoản chi khác	60.996.940.536	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/05/2026	8.616.168.803	

5. QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025 (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

6. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

7. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU NĂM 2025 (Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/05/2026)

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	107.581.904	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	3.719.831	
III	Tổng số chi	52.568.239	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	52.568.239	

2	Chi khác		
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 2025-2026		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/05/2026	58.733.496	

7. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

8. CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN TẠI KHO BẠC (Nhà trường không sử dụng Ngân sách Nhà nước)

Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

1. Tình hình tài chính năm 2025

Ghi chú: thực hiện theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị trong năm tài chính đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền và quy định tại khoản 1 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu

- Học phí: 145.535.301.196 VNĐ
- Tiền ăn: 46.361.942.504 VNĐ
- Nội trú: 16.752.059.000 VNĐ
- Các khoản khác : 37.356.359.761 VNĐ

b) Các khoản chi

- Lương, thưởng và các khoản trích theo lương: 99.615.917.892 VNĐ
- Khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC: 14.948.501.375 VNĐ
- Điện, nước, điện thoại và các dịch vụ: 37.745.990.925 VNĐ
- Chế biến suất ăn: 47.516.540.041 VNĐ
- Giảm học phí (đã trừ trong khoản thu), trao học bổng (thuộc diện Quỹ học bổng Vừ A Dính): 14.103.169.836 VNĐ
- Khen thưởng: 5.729.541.931 VNĐ
- Chi phí khác: 20.072.381.386 VNĐ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

2.1. Học phí

STT	Cấp học /bậc học	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1.	Khối 1	3.000.000	3.200.000	3.400.000

STT	Cấp học /bậc học	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
2.	Khối 2	3.000.000	3.200.000	3.400.000
3.	Khối 3	3.000.000	3.200.000	3.400.000
4.	Khối 4	3.000.000	3.200.000	3.400.000
5.	Khối 5	3.000.000	3.200.000	3.400.000
6.	Khối 6	3.500.000	3.700.000	3.900.000
7.	Khối 7	3.500.000	3.700.000	3.900.000
8.	Khối 8	3.500.000	3.700.000	3.900.000
9.	Khối 9	3.700.000	3.900.000	4.100.000
10.	Khối 10	3.700.000	3.900.000	4.100.000
11.	Khối 11	3.800.000	4.000.000	4.200.000
12.	Khối 12	4.000.000	4.200.000	4.400.000

2.2. Các khoản thu khác (Đơn vị : đồng/học sinh/năm học)

STT	Tên khoản thu	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học
1	Tiền ăn (bán trú)	- Tiểu học: 8.910.000 THCS và THPT: 6.930.000	- Tiểu học: 8.998.000 - THCS và THPT: 7.018.000	- Tiểu học: 9.306.000 -THCS và THPT: 7.326.000
2	Tiền ăn (nội trú)	- Tiểu học 19.404.000 THCS và THPT: 18.810.000	- Tiểu học 19.404.000 - THCS và THPT: 18.810.000	- Tiểu học 20.394.000 -THCS và THPT: 19.998.000
3	Tiền quản lý nội trú	- Tiểu học 14.400.000 - THCS: 16.200.000 THPT: 17.100.000	- Tiểu học 15.300.000 - THCS: 17.100.000 - THPT: 18.000.000	- Tiểu học 16.200.000 - THCS: 18.000.000 -THPT: 18.900.000
4	Tiếng Anh tăng cường	- K1, 2: 2.700.000	- K1, 2: 2.700.000	- K1, 2: 2.970.000 - K3, 4, 5: 4.455.000

		- K3, 4, 5: 4.050.000	- K3, 4, 5: 4.050.000	- K6 đến K11: 3.465.000
		K6 đến K11: 3.150.000	- K6 đến K11: 3.150.000	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông (đơn vị chủ sở hữu hệ thống trường Ngô Thời Nhiệm) đã ban hành quy định số 23/QyĐ-CPPTGGD về chính sách giảm học phí cho học sinh năm học 2025-2026 <https://ngothoinhiem.edu.vn/quy-dinh-so-23qyd-cpptgdmd-ve-cac-chinh-sach-giam-hoc-phi-cho-hoc-sinh-nam-hoc-2025-2026-20250418-937567/>

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

Kết quả theo báo cáo tài chính năm 2025 <https://www.ngothoinhiem.edu.vn/so-lieu-cong-khai-tai-chinh-nam-2025-20251231-148719/>.

5. Các nội dung công khai tài chính khác: Không

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025–2026 theo hướng chủ động, linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị trên cơ sở đảm bảo việc khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và bố trí đội ngũ giáo viên đúng năng lực, đúng môn học.

Về kế hoạch giáo dục: Nhà trường đã ban hành Kế hoạch giáo dục năm học 2025–2026 số 203/KH-NTN ngày 12/9/2025 theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT TP.HCM, trong đó quy định rõ mục tiêu, nội dung chương trình, phân phối thời lượng, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa và chương trình tăng cường/ôn tập theo nguyện vọng của học sinh.

Về sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Nhà trường khai thác hiệu quả hệ thống phòng học chuyên biệt (Tin học, Ngoại ngữ, STEM, AI, Smart Edu, Âm nhạc, Mỹ thuật và các phòng học bộ môn KHTN, KHXH), thư viện, phòng đa chức năng, hệ thống hồ bơi, khu thể thao và khu nội trú. Nhà trường đồng thời tăng số lượng bộ thiết bị dạy học cho các khối lớp (mỗi khối tăng thêm 02 bộ so với năm trước), đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Về bố trí đội ngũ: Việc bố trí giáo viên được thực hiện theo nguyên tắc đúng môn, đúng trình độ đào tạo, ưu tiên người có kinh nghiệm giảng dạy chương trình mới, đảm bảo tỷ lệ giáo viên cơ hữu đạt 98% và 100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Đối với các môn Tiếng Anh tăng cường, luyện kỹ năng Nghe – Nói và ôn luyện chứng chỉ IELTS, nhà trường bố trí giáo viên người nước ngoài đảm nhiệm theo khối lớp.

Về ứng dụng công nghệ thông tin: Nhà trường triển khai hệ thống LMS để hỗ trợ học sinh tự học, ôn tập, nghiên cứu bài học theo hướng phát triển năng lực; đồng thời tăng cường ứng dụng CNTT vào kiểm tra, đánh giá, quản lý hồ sơ chuyên môn và trao đổi phụ huynh qua VnEdu.

Nhờ các biện pháp trên, kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổ chức khoa học, bảo đảm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất sẵn có, nâng cao hiệu suất sử dụng phòng học chuyên biệt và thiết bị dạy học, phát huy năng lực đội ngũ giáo viên, góp phần nâng cao

chất lượng dạy học và giáo dục toàn diện học sinh.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Nhà trường đã triển khai đồng bộ các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và điều kiện thực tế của nhà trường theo kế hoạch số 235/KH-NTN ngày 19 tháng 9 năm 2025. Các tổ chuyên môn chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động học tập tích cực của học sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học.

Nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, dạy học ngoại ngữ với giáo viên bản ngữ từ lớp 1 đến lớp 11, dạy học ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung) theo nguyện vọng; tổ chức lớp ôn tập, phụ đạo học sinh yếu, chưa đạt và bồi dưỡng học sinh giỏi theo khối lớp; triển khai chương trình STEM, câu lạc bộ trong và ngoài giờ chính khóa, giúp học sinh được trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng và phát triển năng lực cá nhân.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện thông qua hệ thống LMS và phần mềm VnEdu, hỗ trợ học sinh tự học, ôn tập, quản lý kết quả học tập, đồng thời hỗ trợ phụ huynh theo dõi và phối hợp giáo dục. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo hướng đánh giá năng lực, kết hợp hình thức đánh giá thường xuyên, định kỳ, đánh giá trắc nghiệm – tự luận, đánh giá qua sản phẩm học tập và dự án khoa học.

Nhờ thực hiện các biện pháp trên, chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên, thể hiện qua tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp đạt cao, tỷ lệ học sinh đạt học lực Khá – Tốt chiếm đa số ở cả hai cấp THCS và THPT, học sinh đạt nhiều giải tại các kỳ thi học sinh giỏi và các sân chơi học thuật, văn – thể – mỹ.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch số 257/KH-NTN ngày 20/9/2025 về tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh; xây dựng và ban hành quyết định 232/QĐ-NTN ngày 19/9/2025 về ban hành quy chế tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh trong năm học 2025 - 2026.

Thực hiện đúng theo quy định về đánh giá học sinh theo chương trình GDPT 2018 và các hướng dẫn kiểm tra đánh giá của Sở GDĐT thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ đạo các bộ môn thực hiện xây dựng ma trận đề kiểm tra đầy đủ các mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, trong đó có tỉ lệ phù hợp vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn đồng thời chỉ rõ các kỹ năng cần được kiểm tra. Tỉ lệ phân bố câu hỏi ở các mức độ nhận thức phù hợp với đối tượng học sinh. Thực hiện hiệu quả việc xây dựng và sử dụng ngân hàng đề của từng bộ môn.

Xây dựng đề kiểm tra có tính phân hóa, phù hợp theo hướng tiếp cận năng lực của người học. Đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ: kiểm tra viết trên giấy, trên máy tính; thực hành; dự án nhóm, cá nhân; đánh giá theo quá trình... Kết hợp linh hoạt kiểm tra trắc nghiệm và tự luận, phối hợp giữa đánh giá của giáo viên và tự đánh giá của học sinh, giữa đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, cộng đồng. Cuối kì giáo viên thực hiện nhận xét chi tiết mỗi học sinh về năng lực, phẩm chất cũng như thái độ học tập. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá: sử dụng các phần mềm chấm trắc nghiệm và các phần mềm thống kê, phân tích kết quả đánh giá.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường chú trọng công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông nhằm giúp học sinh định hướng nghề nghiệp, lựa chọn môn học, ngành học và lộ trình đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường và xu thế thị trường lao động. Trong năm học, nhà trường đã phối hợp với các trường đại học và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp cho học sinh khối 9 và THPT,

cung cấp thông tin về các nhóm ngành nghề, cơ hội học tập và xu hướng tuyển sinh; đồng thời tổ chức cho học sinh khối 11 và 12 được chọn môn thi tốt nghiệp theo định hướng nghề nghiệp. Nhà trường tăng cường các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ kỹ năng, câu lạc bộ STEM và các sân chơi học thuật nhằm giúp học sinh khám phá năng lực bản thân, phát triển phẩm chất và kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Việc luyện thi tiếng Anh, tổ chức lớp IELTS và lớp ngoại ngữ 2 cũng góp phần mở rộng cơ hội học tập trong và ngoài nước cho học sinh.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Trong năm học 2025 – 2026, nhà trường đạt nhiều thành tích nổi bật trong công tác tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi.

Tập thể nhà trường được công nhận là một trong 100 trường học số đầu tiên của thành phố; là 1 trong 59 đơn vị tiêu biểu được Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM trao tặng Giấy khen vì đã triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP.HCM theo định hướng quốc tế” giai đoạn 2021 – 2025; được công nhận là đơn vị học tập của Thành phố Hồ Chí Minh

Đối với giáo viên

- Nhà trường có 02 giáo viên đạt giải Nhì cấp quốc gia trong cuộc thi Thiết kế bài giảng phòng chống tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng dành cho giáo viên phổ thông toàn quốc năm 2025.

- Tại cuộc thi Thiết kế chủ đề dạy học tích hợp STEM/STEAM cấp Thành phố Hồ Chí Minh, giáo viên nhà trường đạt 01 giải Nhì và 02 giải Ba.

- Huy chương Vàng Bóng chuyền nam cấp cụm.

- Có 09 giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Điển hình tiên tiến cấp cụm.

- 05 giáo viên đạt danh hiệu Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp phường.

Đối với học sinh

- 01 Giải Vàng và 01 Giải Bạc cuộc thi Piano quốc tế C.BECHSTEIN;

- 02 Huy chương Đồng và 03 giải Khuyến khích Olympic Toán quốc tế;

- Giải Ba cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp quốc gia năm học 2025 – 2026;

- Giải Bạc cuộc thi Festival Piano Talent toàn quốc năm 2026;

- 01 Huy chương Vàng, 05 Huy chương Bạc và 08 Huy chương Đồng Olympic Toán quốc gia;

- 01 giải Đồng Giải vô địch Roller Sports các đội mạnh quốc gia năm 2026;

- 02 giải Khuyến khích cuộc thi Gửi tương lai xanh toàn quốc.

- 01 Huy chương Vàng cá nhân và 04 Huy chương Vàng đồng đội tại Giải Thể thao học sinh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kỳ thi IOE cấp phường đạt 10 giải Bạc, 13 giải Đồng, 15 giải Khuyến khích; cấp thành phố đạt 08 giải Nhì, 10 giải Ba và 09 giải Khuyến khích.

- Kỳ thi VioEdu cấp phường đạt 10 giải Vàng, 08 giải Bạc, 13 giải Đồng và 11 giải Khuyến khích; cấp thành phố đạt 03 giải Bạc, 04 giải Đồng và 14 giải Khuyến khích.

- Kỳ thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp phường đạt 02 giải Nhất, 08 giải Nhì, 07

giải Ba; cấp thành phố đạt 01 giải Nhất, 04 giải Nhì và 02 giải Ba.

- 02 giải Đồng Cuộc thi Sáng tạo Robotics toàn quốc năm 2025;
- 04 học sinh đạt danh hiệu Học sinh 3 tốt cấp Thành phố và 03 học sinh đạt danh hiệu Học sinh 3 tốt cấp Trung ương;
- 01 giải Nhì và 01 giải Ba Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tại kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, học sinh đạt 02 giải Nhì và 09 giải Ba kỳ thi học sinh giỏi lớp 12;
- 02 giải Ba kỳ thi giải toán trên máy tính cầm tay lớp 12;
- 01 giải Ba kỳ thi học sinh giỏi lớp 9.
- 12 giải Ba cuộc thi Olympic Tháng 4,
- 01 giải Khuyến khích cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai cấp Thành phố,
- 01 giải Khuyến khích cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng, chống bạo lực học đường,
- 03 giải Ba và 01 giải Khuyến khích Hội thi Khéo tay kỹ thuật cấp Thành phố Hồ Chí Minh.
- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì và 01 giải Ba cuộc thi Lắp ráp và lập trình Robot – Myor 2025 cấp Thành phố, đồng thời được lựa chọn tham dự vòng thi quốc tế tại Trung Quốc.
- 03 danh hiệu Học sinh tiêu biểu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cấp Thành phố.
- 03 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Đồng cá nhân; 05 Huy chương Vàng, 03 Huy chương Bạc và 01 Huy chương Đồng tập thể tại Giải Thể thao học sinh cấp Thành phố;
- 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba và 01 giải Khuyến khích tại Hội thao Quốc phòng và An ninh cấp cụm.

Bên cạnh việc tham gia các cuộc thi do ngành tổ chức, nhà trường còn chủ động tổ chức nhiều hoạt động thi đua, hội thi và phong trào giáo dục nhằm tạo môi trường học tập tích cực, phát huy năng lực, sở trường của học sinh. Nhân dịp kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú như hội thi cắm hoa, vẽ tranh, viết cảm nhận về thầy cô trực tuyến, văn nghệ, hội thao, thiết kế bìa sách, thi viết chữ đẹp, phong trào “Hoa điểm 10” và nhiều hoạt động trải nghiệm sáng tạo khác. Các hoạt động được triển khai sâu rộng, thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia, góp phần xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tích cực và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Nhà trường đã tăng cường công tác giáo dục ý thức thực hiện pháp luật, thực hiện nội quy nhà trường dưới nhiều hình thức như:

+ Tổ chức nghiêm túc nghi thức chào cờ đầu tuần thực hiện lồng ghép các chủ đề, hội thi kể chuyện về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nội dung học tập và vận dụng 5 điều Bác Hồ dạy đối với học sinh tiểu học. Thực hiện đa dạng chủ đề trong tiết sinh hoạt tập thể và sinh hoạt chủ nhiệm, lồng ghép trong tiết dạy môn GDCD. Tổ bộ môn Lịch sử tổ chức học tập các chuyên đề tìm hiểu về Bác tại Không gian văn hoá Hồ Chí Minh trường Ngô Thời Nhiệm; Câu lạc bộ phát thanh học đường; tổ chức chuyên đề Kể chuyện về Bác Hồ nhằm giới thiệu rộng rãi đến Đoàn viên, học sinh thấm nhuần tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh từ đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hình thành ý thức tự giác của Đoàn viên trong học tập và trong cuộc sống.

+ Trong năm học, nhà trường đã tăng cường công tác giáo dục ý thức thực hiện đạo đức, pháp luật, thực hiện nội quy nhà trường dưới nhiều hình thức thông qua các chủ đề trong tiết sinh hoạt tập thể, trong tiết dạy môn hoạt động trải nghiệm, cụ thể: phối hợp với công an địa phương tổ chức 02 chuyên đề tuyên truyền giáo dục pháp luật về An toàn giao thông, 01 chuyên đề về Phòng chống Ma túy và tác hại của thuốc lá điện tử”; 01 chuyên đề về Phòng chống trộm cắp và tệ nạn xã hội”;

+ Thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh về ý nghĩa của các ngày lễ như: Lễ tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông, “Tự hào truyền thống - tiếp bước cha anh” nhân kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12; nhà trường tổ chức đa dạng các chủ đề chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; ngày pháp luật Việt Nam 9/11, tôn vinh giá trị đẹp của người phụ nữ 8/3, Diễn đàn Đại thắng 30/4 Bắc Nam sum họp một nhà. “30/4 – Bản hùng ca thống nhất non sông”, Lễ Giỗ tổ Hùng Vương (ngày 24/4/2026) – Truyền thống uống nước nhớ nguồn “Uống nước nhớ nguồn – Tự hào con Lạc cháu Hồng”. ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam 3/2, ngày thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5 ...vv.

+ Tổ chức khai thác có hiệu quả không gian văn hóa Hồ Chí Minh tại trường; các bộ môn khoa học xã hội tổ chức cho học sinh nghiên cứu, học tập các chuyên đề tìm hiểu về Bác tại Không gian văn hoá Hồ Chí Minh trường Ngô Thời Nhiệm phù hợp với từng môn học.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Nhà trường quan tâm xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn và vệ sinh, bảo đảm học sinh được học tập trong điều kiện an toàn, thân thiện và lành mạnh. Trong năm học, nhà trường đã ban hành Quy chế dân chủ cơ sở và Quy định nội quy tiếp phụ huynh nhằm tăng cường sự tham gia, giám sát và phối hợp giáo dục giữa nhà trường – gia đình – xã hội; thực hiện công khai các nội dung theo quy định và tạo điều kiện để học sinh, phụ huynh và cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia góp ý xây dựng nhà trường. Công tác bảo đảm an toàn trường học được triển khai thường xuyên với các chuyên đề tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống ma túy, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; tổ chức diễn tập phương án PCCC, phối hợp Công an Thành phố bồi dưỡng kiến thức ATGT cho 100% học sinh khối THCS và THPT; tổ chức phiên tòa giả định về bạo lực học đường nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho học sinh. Công tác vệ sinh trường học được duy trì tốt, nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tiêm phòng cúm, sởi, khám nha và tẩy giun cho học sinh tiểu học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong bếp ăn bán trú và nội trú. Phòng tư vấn tâm lý học đường hoạt động hiệu quả với lịch trực từ thứ Hai đến thứ Bảy để hỗ trợ học sinh khi cần. Việc triển khai mô hình “Trường học hạnh phúc – Lớp học hạnh phúc – Phòng nội trú hạnh phúc”

góp phần duy trì môi trường tôn trọng, thân thiện, đồng cảm, hỗ trợ lẫn nhau.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có):

Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm, thu sai quy định.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Nhà trường chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đội ngũ của trường hiện có 341 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó 98,5% giáo viên cơ hữu, 100% giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp và hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định; tỷ lệ giáo viên có trình độ đại học và sau đại học cao, đảm bảo phân công đúng chuyên môn, phát huy năng lực và kinh nghiệm giảng dạy. Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ theo từng năm học, chú trọng các nội dung đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Bên cạnh đó, nhà trường phối hợp với các trường đại học, tổ chức chuyên môn và đối tác giáo dục để tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và các chương trình bồi dưỡng chuyên đề theo nhu cầu thực tiễn. Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn theo quy định, được bồi dưỡng về quản trị trường học, quản lý chất lượng, công tác kiểm định và phát triển môi trường giáo dục. Nhiều giáo viên và cán bộ quản lý đạt các danh hiệu thi đua, giải thưởng chuyên môn và được ghi nhận ở cấp phường, cấp thành phố và cấp quốc gia. Nhờ triển khai đồng bộ giải pháp, chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng cao, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục toàn diện và phát triển thương hiệu nhà trường

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Nhà trường tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động dạy – học. Các cơ sở của nhà trường đều được đầu tư khang trang, hiện đại, có đầy đủ phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, phòng STEM, phòng tin học, phòng ngoại ngữ, thư viện, nhà đa năng, hồ bơi, sân thể thao, nhà ăn và khu nội trú, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định; trong đó cơ sở 4 có diện tích bình quân đạt 8m²/học sinh, vượt so với yêu cầu tối thiểu. Nhà trường chú trọng bố trí hợp lý không gian phòng học, tăng cường đầu tư thiết bị dạy học theo danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ GDĐT; trong năm học, thiết bị dạy học cho các khối lớp đều đạt yêu cầu và được bổ sung thêm 02 bộ cho mỗi khối lớp so với năm trước. Hạ tầng chuyên đổi số, hệ thống LMS, VnEdu, đường truyền Internet, mạng nội bộ và các thiết bị trình chiếu tiếp tục được đầu tư, hỗ trợ hiệu quả cho dạy học và quản lý giáo dục. Công tác bảo trì, sửa chữa, nâng cấp phòng học và thiết bị được thực hiện định kỳ, đảm bảo an toàn và khai thác hiệu quả. Việc tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng tổ chức lớp học, tăng tính chủ động của các tổ chuyên môn, mở rộng hình thức dạy học, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu thực tiễn của nhà trường

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng tăng cường phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các bộ phận và tổ chức chuyên môn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời điều hành linh hoạt theo yêu cầu thực tiễn của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá được thực hiện đồng bộ, có sự phối hợp giữa Ban Lãnh đạo, các tổ chuyên môn, các đoàn thể và bộ phận hành chính – giáo vụ, đảm bảo quy trình quản trị nhà trường chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả. Nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý thông qua hệ thống LMS, phần mềm VnEdu, sổ điểm điện tử, thư viện số và hệ thống văn phòng điện tử nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý hồ sơ, cập nhật dữ

liệu, trao đổi thông tin với phụ huynh và theo dõi tiến độ học tập của học sinh. Công tác kiểm tra nội bộ được tăng cường theo kế hoạch, tập trung vào hoạt động dạy học, công tác chuyên môn, hồ sơ sổ sách, công tác giáo vụ, an toàn trường học và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Việc thực hiện công khai theo quy định, phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội và phối hợp với các cơ quan chức năng đã góp phần nâng cao chất lượng quản trị, tạo môi trường giáo dục thân thiện, minh bạch, an toàn và có trách nhiệm. Nhờ đó, chất lượng hoạt động của nhà trường được nâng cao, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục toàn diện và uy tín học hiệu Ngô Thời Nhiệm.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của phụ huynh và học sinh, củng cố hình ảnh và uy tín học hiệu, đồng thời tạo sự đồng thuận xã hội đối với hoạt động giáo dục của đơn vị. Trong năm học, nhà trường đã đẩy mạnh công tác thông tin hai chiều giữa nhà trường – phụ huynh – học sinh thông qua các kênh chính thống như website trường, hệ thống VnEdu, LMS, fanpage, thư thông báo và các cuộc họp phụ huynh định kỳ. Các hoạt động, sự kiện, hội thi, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đoàn – Đội, phong trào học tập, hoạt động thể thao – văn thể mỹ được truyền thông kịp thời, góp phần lan tỏa các giá trị giáo dục tích cực, tôn vinh gương học sinh tiêu biểu, giáo viên điển hình và gắn kết phụ huynh vào quá trình giáo dục. Nhà trường đồng thời phối hợp với các cơ quan báo chí, các trường đại học và tổ chức giáo dục để truyền thông về kết quả tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, chương trình hợp tác quốc tế và các giá trị của mô hình “Trường học hạnh phúc – Lớp học hạnh phúc – Phòng nội trú hạnh phúc”. Hệ thống thông tin nội bộ được duy trì ổn định, đảm bảo tiếp cận nhanh, minh bạch và đồng bộ giữa các bộ phận. Công tác truyền thông hiệu quả đã góp phần củng cố niềm tin của phụ huynh, thu hút học sinh tại các quận/huyện lân cận, duy trì ổn định quy mô lớp học và gia tăng hình ảnh tích cực của học hiệu Ngô Thời Nhiệm trong cộng đồng.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng QLCL) (để báo cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT (HT).

